

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI THEO TÊN KINH

A red square with rounded corners and a thin blue border, containing a white capital letter 'R'.

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	4
1 RATTHAPALA - 82 Trung II, 497	9
2 ROHITASSA 1 - Tầng I, 641	44
3 ROHITASSA 2 - Tầng I, 644	48
4 Rohita - Tương I, 143	52
5 RÀHULA - Tầng II, 129	55
6 Ràdha - Tương III, 149	57
7 Ràdha 1 - Tương IV, 87	59
8 Ràhula - Tương III, 244	62
9 Ràhula - Tương III, 245	64
10 Ràhula - Tương IV, 181	66
11 Ràsiya - Tương IV, 517	71
12 Râu Lúa Mì - Tương V, 76	93
13 RƠI VÀO ĐỌA XỨ - Tầng I, 482	95
14 Rượu - Tương V, 674	96

15	RẤT LÀ NHẸ - Tăng III, 623	98
16	RẤT XA XĂM - Tăng I, 647	100
17	Rất Giàu Hay Giàu - Tương V, 586	102
18	RẮN ĐEN 1 - Tăng II, 729	104
19	RẮN ĐEN 2 - Tăng II, 730	106
20	Rắn Độc - Tương IV, 283	108
21	RỘNG RÃI - Tăng II, 305	113
22	Rộng Thuyết 1 - Tương V, 314	115
23	Rộng Thuyết 2 - Tương V, 314	119
24	Rộng Thuyết 3 - Tương V, 315	121
25	RỜI KHỎI - Tăng I, 551	123
26	RỪNG - Tăng II, 505	125
27	RỪNG - Tăng II, 664	126
28	RỪNG KHÔNG TƯỚC - Tăng IV, 661	129
29	RỪNG SỪNG BÒ - 32 Trung I, 463	133
30	RỪNG SỪNG BÒ - 31 Trung I, 449	149
31	Rừng Núi - Tương I, 17	161

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 RATTHAPALA - 82 Trung II, 497

KINH RATTHAPALA

– Bài kinh số 82 – Trung II, 497

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở giữa dân chúng Kuru, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đi đến một thị trấn của dân chúng Kuru tên là Thullakotthita. Các Bà-la-môn, gia chủ ở Thullakotthita được nghe như sau: "Sa-môn Gotama là Thích tử, Tôn giả xuất gia từ dòng họ Sakya, du hành giữa dân chúng Kuru nay đã đến Thullakotthita với đại chúng Tỷ-kheo. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được nói lên về Tôn giả Gotama: "Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên bố sự chứng ngộ ấy cho người khác. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn

toàn đầy đủ trong sạch". Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy".

Rồi các Bà-la-môn, gia chủ ở Thullakotthita đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, một số người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Một số người nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Một số người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Một số người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên. Một số người yên lặng ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị Bà-la-môn, gia chủ ở Thullakotthita đang ngồi một bên.

Lúc bấy giờ, một Thiện nam tử tên là Ratthapala, con trai một gia đình thương tộc ở chính tại Thullakotthita ấy, đang ngồi trong hội chúng này. Rồi Thiện nam tử Ratthapala suy nghĩ như sau: "Như ta được hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, thời sống tại gia đình thật không dễ gì thực hành Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn trong sạch, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Rồi các Bà-la-môn, gia chủ ở Thullakotthita, sau khi được Thế Tôn với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Thiện nam tử Ratthapala sau khi các Bà-la-môn, gia chủ ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Thiện nam tử Ratthapala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, như con được hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, thời sống tại gia đình thật không dễ gì thực hành Phạm hạnh, hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn trong sạch, trắng bạch như vỏ ốc. Con muốn, bạch Thế Tôn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, cho con thọ đại giới.

– Nhưng này Ratthapala, Ông có được cha mẹ bằng lòng cho Ông xuất gia chưa?

– Bạch Thế Tôn, con chưa được cha mẹ bằng lòng cho con xuất gia.

– **Này Ratthapala, Như Lai không có cho ai xuất gia nếu không được cha mẹ người ấy bằng lòng.**

– Như vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ làm những gì cần thiết để cha mẹ bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Rồi Thiên nam tử Ratthapala từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi ra đi, đi đến cha mẹ, sau khi đến liền thưa với cha mẹ:

– Thưa Mẹ và Cha, như con được hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, thời sống tại gia đình thật không dễ gì thực hành Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn trong sạch, trắng bạch như vỏ ốc. Con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Hãy bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi được nghe nói vậy, cha mẹ Thiên nam tử Ratthapala nói với Thiên nam tử Ratthapala:

– Nay con thân yêu Ratthapala, Con là đứa con độc nhất của mẹ cha, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Nay con thân yêu Ratthapala, Con không biết gì về đau khổ. Nay con thân yêu Ratthapala hãy đến ăn, hãy uống và hãy ăn chơi. Ăn, uống, ăn chơi, Con có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Chúng ta không bằng lòng cho Con được xuất gia, từ

bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu Con có chết, chúng ta còn không muốn không có mặt Con, huống nay Con còn sống, chúng ta lại bằng lòng cho Con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba, Thiện nam tử Ratthapala thưa với mẹ cha:

– Thưa Mẹ và Cha, như con được hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, thời sống tại gia thật không dễ gì thực hành Phạm hạnh, hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Hãy bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Lần thứ ba, cha mẹ Thiện nam tử Ratthapala nói với Thiện nam tử Ratthapala:

– Này con thân yêu Ratthapala, Con là đứa con độc nhất của mẹ cha, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này con thân yêu Ratthapala, Con không biết gì về đau khổ. Này con thân yêu Ratthapala, hãy đến ăn, hãy sống và hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, Con có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Chúng ta không bằng lòng cho Con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu Con có chết,

chúng ta còn không muốn không có mặt Con, huống nay Con còn sống, chúng ta lại bằng lòng cho Con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Rồi Thiện nam tử Ratthapala không được cha mẹ cho xuất gia, liền ngay tại chỗ ấy nằm xuống trên đất trần và nói:

– Ta sẽ chết ở đây, hay được xuất gia.

Rồi cha mẹ Thiện nam tử Ratthapala nói với Thiện nam tử Ratthapala:

– Này con thân yêu Ratthapala, Con là đứa con độc nhất của cha mẹ, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này con thân yêu Ratthapala, Con không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, này con thân yêu Ratthapala, hãy ăn, hãy uống, hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, Con có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Chúng ta không bằng lòng cho Con được xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu Con có chết, chúng ta còn không muốn không có mặt Con, huống nay Con còn sống, chúng ta lại bằng lòng cho Con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Khi được nghe nói vậy, Thiện nam tử

Ratthapala giữ im lặng. Lần thứ hai... (như trên)...
Lần thứ ba, cha mẹ Thiện nam tử Ratthapala nói với
Thiện nam tử Ratthapala:

– Này con thân yêu Ratthapala, Con là đứa con
độc nhất của cha mẹ, khả ái, dễ thương, sống trong
an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này con thân
yêu Ratthapala, Con không biết gì về đau khổ. Hãy
đứng dậy, này con thân yêu Ratthapala, hãy ăn, hãy
uống, hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, Con có thể
thụ hưởng cái ái dục và sung sướng làm các phước
đức. Chúng ta không bằng lòng cho Con được xuất
gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu Con có
chết, chúng ta còn không muốn không có mặt Con,
huống nay Con còn sống, chúng Ta lại bằng lòng cho
Con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia
đình!

Lần thứ ba, Thiện nam tử Ratthapala giữ im
lặng.

Rồi cha mẹ Thiện nam tử Ratthapala liền đi đến
các thân hữu của Thiện nam tử Ratthapala, và nói:

– Này các Thân hữu, Thiện nam tử Ratthapala
nằm trên đất trần và nói: "Ở đây, ta sẽ chết, hay được
xuất gia". Này các Con thân mến, hãy đi đến Thiện
nam tử Ratthapala, sau khi đến hãy nói với Thiện

nam tử Ratthapala: "Này bạn Ratthapala, Bạn là con độc nhất của cha mẹ, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này bạn Ratthapala, Bạn không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy bạn Ratthapala, hãy ăn, hãy uống, hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, Bạn có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm phước đức, cha mẹ không bằng lòng cho Bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu Bạn có chết đi, cha mẹ còn không muốn không có mặt Bạn, huống nay Bạn còn sống, cha mẹ Bạn lại bằng lòng cho Bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình! "

Rồi những người bạn của Thiện nam tử Ratthapala vâng theo lời cha mẹ của Thiện nam tử Ratthapala, đi đến chỗ Thiện nam tử Ratthapala, sau khi đến liền nói:

– Này bạn Ratthapala, Bạn là con độc nhất của cha mẹ, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này bạn Ratthapala, Bạn không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, bạn Ratthapala, hãy ăn, hãy uống, hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, Bạn có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Cha mẹ không bằng lòng cho phép Bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu Bạn có chết đi, cha mẹ còn

không muốn không có mặt Bạn, huống nay Bạn còn sống, cha mẹ Bạn lại bằng lòng cho Bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Khi được nghe nói vậy, Thiện nam tử Ratthapala giữ im lặng. Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba, những người bạn của Thiện nam tử Ratthapala, nói với Thiện nam tử Ratthapala:

– Này bạn Ratthapala, Bạn là con độc nhất của cha mẹ, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này bạn Ratthapala, Bạn không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, bạn Ratthapala, hãy ăn, hãy uống, hãy vui chơi. Ăn uống, vui chơi, Bạn có thể thụ hưởng các ái dục, và sung sướng làm các phước đức. Cha mẹ không bằng lòng cho phép Bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu Bạn chết đi, cha mẹ còn không muốn không có mặt Bạn, huống nay Bạn còn sống, cha mẹ Bạn lại bằng lòng cho phép Bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Lần thứ ba, Thiện nam tử Ratthapala giữ im lặng.

Rồi các thân hữu của Thiện nam tử Ratthapala đi đến cha mẹ Thiện nam tử Ratthapala, sau khi đến liền thưa:

– Thừa Mẹ và Cha, Thiện nam tử Ratthapala đang nằm xuống trên đất trần kia và nói: "Ở đây, ta sẽ chết, hay được xuất gia". Nếu Cha Mẹ không bằng lòng cho Thiện nam tử Ratthapala xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời Ratthapala sẽ chết ở tại chỗ ấy. Còn nếu Cha Mẹ bằng lòng cho Thiện nam tử Ratthapala xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời Cha Mẹ có thể thấy Ratthapala sau khi xuất gia. Nếu Thiện nam tử Ratthapala không cảm thấy hoan hỷ trong khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời Ratthapala không còn con đường nào đi khác hơn. Ratthapala sẽ trở lại ở đây. Hãy bằng lòng cho phép Thiện nam tử Ratthapala xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Nay các con thân mến, chúng ta bằng lòng cho phép Thiện nam tử Ratthapala xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng sau khi xuất gia, cần phải về thăm cha mẹ.

Rồi những thân hữu của Thiện nam tử Ratthapala, đi đến Thiện nam tử Ratthapala, sau khi đến, liền nói:

– Nay bạn Ratthapala, Bạn là con độc nhất của cha mẹ, khả ái, dễ thương, sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Nay bạn Ratthapala, Bạn

không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, ăn, uống, và vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, Bạn có thể thụ hưởng các ái dục, và sung sướng làm các phước đức. Cha mẹ Bạn đã bằng lòng cho phép được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và sau khi xuất gia, cần phải về thăm cha mẹ.

Rồi thiện nam tử Ratthapala, sau khi đứng dậy, sau khi lấy lại sức lực, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Thiện nam tử Ratthapala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con đã được mẹ cha bằng lòng cho phép con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn hãy xuất gia cho con.

Và Thiện nam tử Ratthapala được xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn và được thọ đại giới.

Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Ratthapala thọ đại giới không bao lâu, nửa tháng sau khi thọ đại giới, sau khi ở tại Thullakotthita cho đến khi thỏa mãn, liền khởi hành đi đến Savatthi, tuần tự du hành và đến Savatthi. Ở đây, Thế Tôn trú tại Savatthi, Jetavana, tu viện của Anathapindika.

Rồi Tôn giả Ratthapala sống một mình, viễn ly,

không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn, không bao lâu đạt được mục đích mà các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, tức là tự chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lui ở đời này nữa". Tôn giả Ratthapala trở thành một vị A-la-hán nữa.

Rồi Tôn giả Ratthapala đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ratthapala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con muốn đi thăm cha mẹ, nếu Thế Tôn cho phép con.

Thế Tôn với tâm của mình tìm hiểu tâm tư Tôn giả Ratthapala. Khi Thế Tôn được biết Thiện nam tử Ratthapala không thể từ bỏ tu học, trở lại hoàn tục, liền nói với Tôn giả Ratthapala:

– Nay Ratthapala, nay Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Ratthapala từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng về Thế Tôn, sau khi thu xếp chỗ ở, cầm y bát và khởi hành đi đến

Thullakotthita, tuần tự du hành và đến Thullakotthita. Ở đấy, Tôn giả Ratthapala trú tại vườn Lộc Uyển của vua Koravya. Rồi tôn giả Ratthapala vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Thullakotthita để khát thực. Tôn giả đi khát thực từng nhà một ở Thullakotthita và đến tại nhà người cha mình.

Lúc bấy giờ người cha của Tôn giả Ratthapala đang chải tóc ở giữa gian phòng có cửa. Người cha của Tôn giả Ratthapala thấy Tôn giả Ratthapala từ xa đi đến, và nói.

– Chính vì những Sa-môn đầu trọc này mà đứa con độc nhất của chúng ta, khả ái, dễ thương đã xuất gia.

Và Tôn giả Ratthapala từ ngôi nhà của cha mình, không được bố thí, không nhận được lời từ chối chỉ nhận được lời sĩ nhục.

Lúc bấy giờ, người nữ tỳ thân gia của Tôn giả Ratthapala muốn quăng đồ cháo ngày hôm qua. Tôn giả Ratthapala nói với người nữ tỳ ấy:

– Này Chị, nếu cần phải quăng đồ cháo này, hãy đổ vào bát của tôi ở đây.

Rồi người nữ tỳ, trong khi đồ cháo ngày hôm qua ấy vào bát của Tôn giả Ratthapala, nhận diện được tướng tay, chân và giọng nói của Tôn giả. Người nữ tỳ liền đi đến người mẹ của Tôn giả Ratthapala, sau khi đến nói với người mẹ của Tôn giả Ratthapala:

– Thừa tôn mẫu, tôn mẫu có biết chăng, cậu ấm (ayyaputta) Ratthapala đã trở về.

– Nếu Người nói đúng sự thật, Người sẽ được thoát khỏi phận nô tỳ.

Rồi mẹ Tôn giả Ratthapala đi đến cha Tôn giả Ratthapala và nói:

– Thừa Gia chủ, Gia chủ có biết chăng, Thiện nam tử Ratthapala đã trở về.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ratthapala đang ăn cháo ngày hôm qua ấy, ngồi dựa vào một bức tường. Rồi người cha đến tại chỗ của Tôn giả Ratthapala, sau khi đến liền nói với Tôn giả Ratthapala:

– *Này con thân yêu Ratthapala, có phải Con đang ăn cháo ngày hôm qua? Này con thân yêu Ratthapala, Con phải vào nhà của Con.*

– Thừa Gia chủ, chỗ nào là nhà của chúng tôi, những người xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình? Chúng tôi là những người không gia đình, thừa Gia chủ! Chúng tôi có đến nhà của Gia chủ, thừa Gia chủ, nhưng tại đây, chúng tôi không nhận được bố thí, không nhận được lời từ chối, chỉ nhận được lời sỉ nhục.

– Hãy đi vào nhà, này con thân yêu Ratthapala.

– Thừa Gia chủ, thôi vừa rồi! Hôm nay tôi đã ăn xong.

– Vậy này con thân yêu Ratthapala, hãy nhận lời mời ngày mai đến dùng cơm.

Tôn giả Ratthapala im lặng nhận lời. Rồi người cha của Tôn giả Ratthapala, sau khi được biết Tôn giả Ratthapala đã nhận lời liền về đến nhà của mình, cho chất vàng nén và tiền vàng thành một đồng lớn, lấy màn che lại, và cho gọi các người vợ cũ của Tôn giả Ratthapala:

– Này các Con dâu, hãy tự trang điểm với những trang điểm mà xưa kia các Con được Thiện nam tử Ratthapala ái lạc và ưa thích.

Rồi người cha của Tôn giả Ratthapala, sau khi

đêm ấy đã mãn, sau khi cho sửa soạn trong nhà của mình, các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, liền báo giờ cho Tôn giả Ratthapala:

– Đã đến giờ, này con thân yêu Ratthapala, cơm đã sẵn sàng.

Rồi Tôn giả Ratthapala vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến ngôi nhà của người cha mình, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi người cha của Tôn giả Ratthapala cho trình bày ra đồng vàng nén và tiền vàng và nói với Tôn giả Ratthapala:

– Này con thân yêu Ratthapala, đây là tiền tài của mẹ, kia là tiền tài của cha, kia là tiền tài của tổ tiên. Này con thân yêu Ratthapala, Con có thể thụ hưởng tài vật và làm các phước đức. Này con thân yêu Ratthapala, hãy từ bỏ tu học, hoàn tục thụ hưởng các tài vật và làm các phước đức.

– Thừa Gia chủ, nếu Gia chủ làm theo lời nói của tôi, sau khi chôn cất đồng vàng nén và tiền vàng này vào trong các xe, sau khi cho chở và hạ xuống giữa sông Hằng, hãy đổ đồng vàng này vào giữa dòng sông. Vì sao vậy? Này Gia chủ, vì do nhân duyên này, mà sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên cho Gia chủ.

Rồi những người vợ cũ của Tôn giả Ratthapala ôm mỗi chân (Tôn Giả) và nói:

– Thưa Phu quân (ayyaputtaka) vì Thiên nữ nào mà Phu quân sống Phạm hạnh?

– Các Bà chị, không phải vì Thiên nữ nào mà chúng tôi sống Phạm hạnh.

– Phu quân Ratthapala đối với chúng ta gọi chúng ta là bà chị.

Nói lên như vậy, (các người vợ cũ) liền ngã xuống đất, bất tỉnh.

Rồi Tôn giả Ratthapala nói với phụ thân:

– Thưa Gia chủ, nếu Gia chủ muốn bỏ thí đồ ăn thì hãy bỏ thí đi, chớ có phiền nhiễu chúng tôi.

– Hãy ăn, này con thân yêu Ratthapala, cơm đã sẵn sàng.

Rồi người cha của Tôn giả Ratthapala tự tay thân mời và làm cho thỏa mãn Tôn giả Ratthapala với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Rồi Tôn giả Ratthapala sau khi ăn xong, tay đã

rời khỏi bát, đứng dậy và nói bài kệ sau đây:

*Hãy nhìn hình bóng trang sức này,
Một nhóm vết thương được tích tụ,
Bệnh nhiều, tham tưởng cũng khá nhiều,
Nhưng không gì kiên cố, thường trú.*

*Hãy nhìn dung mạo trang sức này,
Với các châu báu, với vòng tai,
Một bộ xương được da bao phủ,
Được y phục làm cho sáng chói.*

*Chân được sơn với sơn với sáp,
Mặt được thoa với phấn, với bột,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,
Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác.*

*Tóc được uốn bảy vòng, bảy lớp,
Mắt được xoa với thuốc, với son,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,
Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác.*

*Như hộp thuốc trang hoàng mới mẻ,
Là uế thân được điểm thời trang,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,
Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác.*

*Người thợ săn đặt bày lưới sập,
Loài nai (khôn) chẳng chạm bén chân,
Ấn lúa xong, chúng ta lên đường,
Mặc cho kẻ bắt nai than khóc.*

Tôn giả Ratthapala đọc bài kệ xong đứng dậy, liền đi đến vườn Lộc Uyển của vua Koravya, sau khi đến liền ngồi xuống nghỉ trưa dưới một gốc cây.

Rồi vua Koravya nói với người thợ săn:

– Nay Thợ Săn, hãy dọn dẹp đất vườn ở Lộc Uyển, ta muốn đi thăm viếng cảnh đẹp.

– Thưa vâng, Đại vương.

Người thợ săn vâng đáp vua Koravya, trong khi dọn dẹp vườn Nai, thấy Tôn giả Ratthapala đang ngồi dưới gốc cây để nghỉ trưa. Sau khi thấy vậy, người ấy liền đến vua Koravya, sau khi đến liền tâu vua Koravya:

– Tâu Đại vương, vườn Nai đã được dọn dẹp. Và ở đây có Thiện nam tử tên là Ratthapala là con một thế gia ở Thullakotthita mà Đại vương thường hay tán thán, vị ấy đang ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

– Ngày Thọ sản, hôm nay thế là vừa đủ về vườn cảnh. Nay chúng ta muốn cung kính cúng dường Tôn giả Ratthapala.

Rồi vua Koravya, sau khi nói: "Ở đây, hãy đem bố thí tất cả món ăn đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm", ra lệnh cho thắng nhiều cỗ xe thù thắng, leo lên một cỗ xe thù thắng, liền cùng với các cỗ xe đi ra khỏi Thullakotthita để yết kiến Tôn giả Ratthapala với đại uy phong của bậc đế vương.

Sau khi cỡi xe cho đến chỗ đất còn có thể cỡi xe được, Ngài xuống xe, đi bộ, cùng với hàng tùy tùng vương hầu, đến chỗ của Tôn giả Ratthapala, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Ratthapala, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, vua Koravya bạch Tôn giả Ratthapala:

– Ở đây xin mời Tôn giả Ratthapala ngồi xuống trên nệm voi.

– Thôi vừa rồi, Đại vương! Đại vương hãy ngồi. Tôi đã ngồi trên chỗ ngồi của tôi.

Rồi vua Koravya ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, vua Koravya bạch Tôn giả Ratthapala:

– Bạch Tôn giả Ratthapala, có bốn sự suy vong này. Chính do thành tựu bốn sự suy vong này mà ở đây, có người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế nào là bốn? Lão suy vong, bệnh suy vong, tài sản suy vong, thân tộc suy vong.

Này Tôn giả Ratthapala, thế nào là lão suy vong? Ở đây, thưa Tôn giả Ratthapala có người niên cao, lạc lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã sống mãn kỳ, đã gần mệnh chung. Vị ấy suy tư như sau: "Nay ta đã già, niên cao lạc lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã sống mãn kỳ, đã gần mệnh chung. Thật không dễ gì cho ta thâm được các tài vật chưa thâm hoạch được, hay làm tăng trưởng các tài vật đã thâm hoạch. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Vị này, do thành tựu lão suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Ratthapala được gọi là lão suy vong. **Nhưng Tôn giả Ratthapala nay còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời; Tôn giả Ratthapala đâu có lão suy vong? Vậy Tôn giả Ratthapala đã biết gì, đã thấy gì, hay đã nghe gì mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?**

Và thưa Tôn giả Ratthapala, thế nào là bệnh suy vong? Ở đây, thưa Tôn giả Ratthapala, có người bị bệnh, khổ đau, mang trọng bệnh. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị bệnh, khổ đau, mang trọng bệnh, thật không dễ gì cho ta thâm được các tài vật chưa thâm hoạch được, hay làm tăng trưởng các tài vật đã thâm hoạch được. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Vị này do thành tựu bệnh suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, được gọi là bệnh suy vong. Nhưng Tôn giả Ratthapala nay ít bệnh, ít nã, tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng; Tôn giả Ratthapala đâu có bệnh suy vong? Tôn giả Ratthapala đã biết gì, đã thấy gì hay đã nghe gì mà xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

Và thưa Tôn giả Ratthapala, thế nào là tài sản suy vong? Ở đây, thưa Tôn giả Ratthapala có người giàu sang, tiền của nhiều, tài vật nhiều, và những tài vật của vị ấy dần dần đi đến chỗ suy vong. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta trước đây giàu sang, tiền của nhiều, tài sản nhiều. Những tài vật ấy của ta dần dần đã đi đến suy vong. Thật không dễ gì cho ta thâm được những tài vật chưa thâm hoạch được, hay làm cho tăng trưởng những tài vật đã thâm hoạch được.

Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Vị này do thành tựu tài suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Ratthapala được gọi là tài suy vong. Nhưng Tôn giả Ratthapala chính tại Thullakotthita này, là con của một lương gia đệ nhất; Tôn giả Ratthapala đâu có tài sản suy vong? Tôn giả Ratthapala đã biết gì, đã thấy gì, hay đã nghe gì mà xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

Và này Tôn giả Ratthapala, thế nào là thân tộc suy vong? Ở đây, thưa Tôn giả Ratthapala có người có nhiều thân hữu quen biết, bà con huyết thống, những thân hữu quyến thuộc của người ấy dần dần đi đến chỗ suy vong. Người ấy suy tư như sau: "Trước kia, ta có nhiều người thân hữu quen biết, bà con huyết thống. Những thân hữu quyến thuộc ấy của ta dần dần đi đến chỗ suy vong. Thật không dễ gì cho ta thu được những tài vật chưa thu hoạch được, hay làm cho tăng trưởng những tài vật đã thu hoạch được. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Vị này do thành tựu thân tộc suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, được gọi là thân tộc suy vong. Nhưng Tôn giả Ratthapala ở chính

tại Thullakotthita này, có nhiều thân hữu quen biết, bà con huyết thống, Tôn giả Ratthapala đâu có thân tộc suy vong? Vậy Tôn giả Ratthapala đã biết gì, đã thấy gì hay đã nghe gì mà xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, đây là bốn loại suy vong, do thành tựu bốn loại suy vong này mà ở đây, có người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình; **Tôn giả Ratthapala đâu có những loại ấy? Vậy Tôn giả đã biết gì, đã thấy gì, hay đã nghe gì mà xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình?**

– Thưa Đại vương, **có bốn sự thuyết giáo Chánh pháp**, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế nào là bốn?

– **"Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt"**, thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống

không gia đình.

- **"Thế giới là vô hộ, vô chủ"**, thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ hai, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.
- **"Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả"**, thưa Đại vương đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ ba, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy, tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.
- **"Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái"**, thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ tư, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy, tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Thưa Đại vương, đây là bốn sự thuyết giáo Chánh pháp, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy. Do tôi

biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

➔ Tôn giả Ratthapala đã nói: "**Thế giới là vô thường đi đến hủy diệt,**" ý nghĩa của lời nói này cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Ratthapala?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Khi Ngài 20 tuổi, hay 25 tuổi, Ngài có thiện nghệ về voi, thiện nghệ về ngựa, thiện nghệ về xe, thiện nghệ về cung, thiện nghệ về kiếm, bắt vế mạnh và cánh tay mạnh, có khả năng và thiện nghệ trong nghề đánh giặc?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, khi tôi được 20 hay 25 tuổi, tôi thiện nghệ về voi, tôi thiện nghệ về ngựa, thiện nghệ về xe, thiện nghệ về cung, thiện nghệ về kiếm, bắt vế mạnh, và cánh tay mạnh, có khả năng và thiện nghệ trong nghề đánh giặc. Có đôi lúc, thưa Tôn giả Ratthapala, tôi cảm thấy có thần lực và xem không ai có thể bằng tôi về sức mạnh.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nay Đại vương vẫn còn bắt vế mạnh, cánh tay mạnh, có khả năng và thiện nghệ đánh giặc như vậy không?

– Không như vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, nay

tôi đã già, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thành, đã sống mãn kỳ, đã gần mệnh chung, gần 80 tuổi thọ. Có đôi lúc, thưa Tôn giả Ratthapala, tôi nghĩ: "Ồ đây, ta sẽ bước chân", nhưng tôi lại bước chân tại chỗ khác.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói: "Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt", và tôi sau khi biết, sau khi thấy và sau khi nghe như vậy đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn Giả Ratthapala! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ratthapala! Ý nghĩa này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, Bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác đã khéo nói: "Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt". Thật vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt.

➔ Nhưng thưa Tôn giả Ratthapala, ở vương quốc này, có đội quân voi, cũng có đội quân ngựa, cũng có đội quân xa, cũng có đội quân bộ, nếu chúng tôi gặp nguy khốn thời các đội quân bảo vệ chúng tôi. Tôn giả Ratthapala đã nói: "**Thế giới là vô hộ, vô chủ**", ý nghĩa của lời nói này, cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Ratthapala?

– Thừa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có mắc chứng bệnh kinh niên nào không?

– Thừa Tôn giả Ratthapala, tôi có bệnh phong kinh niên. Nhiều khi, thân hữu quen biết, bà con huyết thống đứng xung quanh tôi và nói: "Nay vua Koravya sẽ mệnh chung, nay vua Koravya sẽ mệnh chung".

– Thừa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có thể nói chẳng, với các thân hữu quen biết, bà con huyết thống của Đại vương: "Mong rằng Tôn giả thân hữu quen biết, bà con huyết thống làm vui nhẹ sự đau khổ của tôi! Mong tất cả hãy san sẻ cảm thọ này, để tôi có thể có một cảm thọ nhẹ nhàng hơn"; hay là Đại vương chỉ có thể thọ lãnh cảm thọ ấy một mình?

– Thừa Tôn giả Ratthapala, tôi không có thể nói với các thân hữu quen biết, bà con huyết thống của tôi: "Mong rằng các Tôn giả thân hữu quen biết, bà con huyết thống làm vui nhẹ sự đau khổ của tôi. Mong tất cả hãy san sẻ cảm thọ này để có thể có một cảm thọ nhẹ nhàng hơn"; và tôi chỉ có thể thọ lãnh cảm thọ ấy một mình".

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán,

Chánh Đăng Giác đã nói: "Thế giới là vô hộ, vô chủ", và tôi sau khi biết, sau khi thấy và sau khi nghe như vậy đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ratthapala! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ratthapala! Ý nghĩa này được Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã khéo nói: "Thế giới là vô hộ, vô chủ". Thật vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, thế giới là vô hộ, vô chủ.

➔ Nhưng thưa Tôn giả Ratthapala, ở vương quốc này có rất nhiều vàng nén và tiền vàng dưới đất và trên mặt đất". Tôn giả Ratthapala đã nói: "**Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả**". Ý nghĩa của lời nói này cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Ratthapala?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Dầu cho nay Đại vương sống thụ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trưởng dưỡng, Đại vương có thể nói được như sau: "Chính như vậy, tôi thọ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trưởng dưỡng này"; hay là người khác sẽ thọ hưởng tài sản này, còn Đại vương sẽ phải đi theo nghiệp của mình?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, dầu cho nay tôi sống thụ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trưởng

duỡng. Tôi không có thể nói được như sau: "Chính như vậy tôi thọ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trưởng này". Chính người khác sẽ thọ hưởng tài sản này, còn tôi phải đi theo nghiệp của tôi.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói: "Thế giới là vô sở hữu, cần phải ra đi, từ bỏ tất cả". Và tôi sau khi biết, sau khi thấy và sau khi nghe như vậy, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ratthapala! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ratthapala! Ý nghĩa này được Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã khéo nói: "Thế giới là vô sở hữu, cần phải ra đi, từ bỏ tất cả". Thật vậy thưa Tôn giả Ratthapala thế giới là vô sở hữu, cần phải ra đi, từ bỏ tất cả.

➔ Tôn giả Ratthapala đã nói: **"Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái"**. Ý nghĩa của lời nói này cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Ratthapala?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Có phải Đại vương trị vì ở Kuru, một nước phồn thịnh?

– Thưa vâng, Tôn giả Ratthapala. Tôi trị vì ở Kuru, một nước phồn thịnh.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có người đáng tin cậy, chánh trực đến với Đại vương từ phương Đông, và sau khi đến tâu với Đại Vương: "Tâu Đại vương, Đại vương có biết chăng? Tôi từ phương Đông lại. Ở đây, tôi có thấy một quốc độ lớn, phú cường, phồn thịnh, dân cư trù mật. Tại đây có nhiều đội voi, đội ngựa, đội xe, bộ đội. Tại đây có nhiều ngà voi, tại đây có nhiều vàng nén, tiền vàng chưa làm và đã làm, có nhiều phụ nữ. Và có thể chinh phục quốc độ ấy với vũ lực như thế ấy. Tâu Đại vương, hãy đi chinh phục!" Đại vương sẽ hành động như thế nào?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, sau khi chinh phục, quốc độ ấy tôi sẽ trị vì.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây có người đến với Đại vương từ phương Tây ... (như trên) ... từ phương Bắc ... (như trên) ... từ phương Nam ... (như trên) ... từ bờ biển bên kia, người ấy đáng tin cậy, chánh trực, tâu với Đại vương: "Tâu Đại vương, Đại vương có biết chăng? Tôi từ bờ biển bên kia lại. Ở đây, tôi thấy có một quốc độ lớn, phú cường, phồn thịnh, dân cư trù mật. Tại đây có

nhiều đội voi, đội ngựa, đội xe, bộ đội. Tại đây có nhiều ngà voi. Tại đây có nhiều vàng nén, tiền vàng chưa làm và đã làm, có nhiều phụ nữ. Và có thể chinh phục quốc độ ấy với vũ lực như thế ấy. Tâu Đại vương, hãy đi chinh phục". Đại vương sẽ hành động như thế nào?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, sau khi chinh phục, tôi sẽ trị vì.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói: "Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái, " và tôi sau khi biết, sau khi thấy, sau khi nghe như vậy, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ratthapala! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ratthapala! Ý nghĩa này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã khéo nói: "Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái". Thật vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái.

Tôn giả Ratthapala đã giảng như vậy, sau khi giảng như vậy xong, lại nói thêm như sau:

*Ta thấy người giàu sang ở đời,
Có của vì si không bố thí.
Vì tham, họ tích tụ tài vật,
Và chạy theo dục vọng càng nhiều.*

*Dùng bạo lực, chinh phục quả đất,
Vua trị vì cho đến hải biên,
Không thỏa mãn bờ biển bên này,
Và chạy theo bờ biển bên kia.*

*Vua cùng rất nhiều loại người khác,
Ái chưa ly, mạng chung đã đến,
Bị thiếu thốn, không bỏ thân họ,
Không thỏa mãn lòng dục ở đời.*

*Quyền thuộc tán loạn, khóc người ấy:
"Than ôi, người ấy không bất tử! "
Mạng thân người ấy vài bao phủ,
Họ đốt lửa làm lễ hỏa thiêu.*

*Bị thọc với cây, người ấy cháy,
Độc mảnh vải, bỏ tiền của lại.
Ở đây, quyền thuộc cùng thân hữu,
Không nơi nương tựa cho kẻ chết.*

*Kẻ thừa tự, nhận mạng tài sản,
Riêng con người, theo nghiệp phải đi,*

*Tiền của đâu có theo người chết,
Cả vợ con, tài sản, quốc độ.*

*Tài sản không mua được trường thọ,
Phú quý không tránh được già suy,
Kẻ trí nói đời này thật ngắn,
Thật vô thường, biến đổi luôn luôn.*

*Kẻ giàu, kẻ nghèo đều cảm xúc,
Người ngu, kẻ trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh nằm ngã,
Bậc trí cảm xúc, không run sợ.*

*Do vậy, trí tuệ thắng tài vật,
Nhờ trí, ở đây được viên thành.
Không thành mãi trong hữu, phi hữu,
Kẻ ngu tạo tác các ác nghiệp.*

*Nhập thai thác sanh thế giới khác,
Người ấy luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ thiếu trí chắc hẳn phải là
Nhập thai và sanh thế giới khác.*

*Như kẻ trộm bị bắt khi trộm,
Ác tánh hại mình do tự nghiệp,
Chúng sanh cũng vậy chết đời khác,
Ác tánh hại mình, do tự lực.*

*Dục vọng nhiều loại, ngọt, khả ái,
Nhiều loạn tâm dưới nhiều hình thức,
Thấy hoạn nạn trong dục trường dưỡng,
Nên tôi xuất gia, tâu Đại vương!*

*Như quả từ đây, người bị rụng,
Cả già lẫn trẻ, khi thân hoại,
Do thấy chính vậy, tôi xuất gia,
Hạnh Sa-môn phải là tối thắng,*

Thưa Đại vương!

2 ROHITASSA 1 - Tăng I, 641

ROHITASSA 1 – Tăng I, 641

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thiên tử Rohitassa sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chiếu sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

- Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới không?

- Này Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.

2. - Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "*Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này),*

không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta-la. Bước chân của con là như vậy, như từ khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nhem, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến 100 tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến 100 năm, cũng không có thể đạt được tận cùng của thế giới, nhưng giữa đường con đã chết.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng

không đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

3. - Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Nhưng này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những **tưởng**, những **tư duy** của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.

*4. Với đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,
Thời không có giải thoát,
Ra khỏi ngoài khổ đau.*

*Do vậy, bậc có trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu,
Bậc đạt được an tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong cầu đời này,*

Không mong cầu đời sau.

3 ROHITASSA 2 - Tăng I, 644

ROHITASSA 2 – Tăng I, 644

1. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

- Đêm nay, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, thiên tử Rohitassa bạch với Ta:

"- Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới?"

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa như sau:

"- Này Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa nói với Ta như sau:

"- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới!".

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta-la. Bước chân của con là như vậy, như từ khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nhem, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến 100 tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến 100 năm, cũng không có thể đạt được tận cùng của thế giới, **nhưng giữa đường con đã chết.**

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa:

"-Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Nhưng này Hiền giả, **trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tưởng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.**

*2. Với đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,
Thời không có giải thoát,
Ra khỏi ngoài khổ đau.*

*Do vậy, bậc có trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu,
Bậc đạt được an tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong cầu đời này,
Không mong cầu đời sau.*

4 Rohita - Tương I, 143

Rohita – Tương I, 143

1) Tại Sàvatthi (Xá-vệ).

2) Đứng một bên, **Thiên tử Rohitassa** bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

3) -- Này Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, **Ta nói rằng (tại chỗ ấy), không có thể với bộ hành, biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.**

4) -- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể với bộ hành biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới".

5) Bạch Thế Tôn, **thuở trước, con tên là Rohita con của Bhoja, có thần thông, có thể đi giữa hư không.**

Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lẹ cho đến con có thể bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thục, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây tala.

6) Và bạch Thế Tôn, bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: "Với bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới".

7) Và bạch Thế Tôn, dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy, và dầu cho con có bước dài đến như vậy, và dầu cho con không có dừng để ăn, hay uống, hay nhai, hay ném, dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện, dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ câu uế, dầu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình, dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình, tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới.

8) Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể bộ hành, biết được hay thấy được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy".

9) -- Nay Hiền giả, nhưng Ta cũng không nói rằng
không đạt được sự tận cùng của thế giới thời chấm
dứt cuộc khổ đau. Nay Hiền giả, chính trong cái thân
thể dài một tầm có tướng, có ý này, Ta tuyên bố thế
giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới
và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

*10) Bộ hành không bao giờ
Đạt được thế giới tận,
Không đạt thế giới tận,
Không thể thoát khỏi khổ.*

*Do vậy, bậc Hiền thiện,
Thế gian giải, Thiện tuệ,
Đạt đến thế giới tận,
Phạm hạnh được viên thành.*

*Với tâm tư định tĩnh,
Biết được thế giới tận,
Không ước vọng đời này,
Không ước vọng đời sau.*

5 RÀHULA - Tăng II, 129

RÀHULA – Tăng II, 129

1. Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ràhula đang ngồi xuống một bên:

- Nay Ràhula, phàm có nội địa giới gì, phàm có ngoại địa giới gì, đều là địa giới này. Cần phải như thật thấy **địa giới** ấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Do thấy như thật (địa giới) này với chánh trí tuệ, vị ấy nhàm chán địa giới. **Với trí tuệ, vị ấy tẩy sạch tâm.**

2-4. Nay Ràhula, phàm có nội thủy giới gì, phàm có ngoại thủy giới gì, đều là thủy giới này ..., phàm có nội hỏa giới gì, phàm có ngoại hỏa giới gì, đều là hỏa giới này ..., phàm có nội phong giới gì, phàm có ngoại phong giới gì, đều là phong giới này. Cần phải như thật thấy phong giới ấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Do thấy như thật (phong giới) này với chánh trí tuệ, vị ấy nhàm chán phong giới. **Với trí tuệ, vị ấy tẩy sạch tâm.**

5. Khi nào, này Ràhula, Tỷ-kheo đối với bốn giới này, không có tùy quán là tự ngã hay thuộc ngã sở, này Ràhula, vị này được gọi là Tỷ-kheo đã cắt đứt ái, đã giải tỏa các kiết sử, đã chơn chánh minh quán kiêu mạn, đã chấm dứt khổ đau.

6 Ràdha - Tương III, 149

Ràdha – Tương III, 149

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-3) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thế Tôn sau khi đến...
bạch Thế Tôn:

*- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với **thân thể có thức** này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên"?*

4) Nay Ràdha, **phàm có sắc** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5) Phàm có **thọ**...

6) Phàm có **tướng**...

7) Phàm có các **hành**...

8) Phàm có **thức** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất

cả thức cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là:
"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là
tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Nay Ràdha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân
có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không
có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy
miên".

10). .. Tôn giả Ràdha trở thành một vị A-la-hán nữa.

7 Ràdha 1 - Tương IV, 87

Ràdha 1 – Tương IV, 87

1) ...

2) Rồi Tôn giả Ràdha...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

*-- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vẫn **tất thuyết pháp** cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) -- **Cái gì vô thường, này Ràdha, ở đây Ông cần phải đoạn tận lòng dục.**

5-7) Và này Ràdha, cái gì là vô thường? **Mắt**, này Ràdha, là vô thường, ở đây **Ông cần phải đoạn tận lòng dục**. Các **sắc** là vô thường... Nhãn **thức** là vô thường... Nhãn **xúc**... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm **thọ** gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường. Ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục... Tai... Mũi...

8-9) ... Lưỡi... Thân...

10) Ý là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các pháp... Ý thức... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường. Ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

11) Phàm cái gì là vô thường, này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

Ràdha 2 – 88tu4

1-2-3) ...

4) -- **Phàm cái gì là khổ, này Ràdha, ở đây Ông cần phải đoạn tận lòng dục.**

5-10) Và này Ràdha, cái gì là khổ? Mắt, này Ràdha, là khổ; ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các pháp... Nhãn thức... Nhãn xúc... Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là khổ. Ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

11) Phàm cái gì là khổ, này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

Ràdha 3 – 89tu4

1-2-3) ...

4) -- **Phàm cái gì là vô ngã, này Ràdha, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.**

5-9) Và này Ràdha, cái gì là vô ngã? **Mắt**, này Ràdha, là vô ngã; ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các **sắc**... Nhãn **thức**... Nhãn **xúc**... Do duyên ý xúc...

10) Ý là vô ngã... Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên ý xúc, khởi lên cảm **thọ** gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô ngã. Ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

11) Phàm cái gì là vô ngã, này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

8 Ràhula - Tương III, 244

Ràhula – Tương III, 244

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (tư tướng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?

4) Phàm **sắc** gì, này Ràhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"**.

5-8) Phàm **thọ** gì... **tướng** gì... các **hành** gì... Phàm **thức** gì, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh**

trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Biết như vậy, này Ràhula, thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên.

9 Ràhula - Tương III, 245

Ràhula – Tương III, 245

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát?

4) Phàm **sắc** gì, này Ràhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại... hoặc xa hay gần; tất cả pháp, **sau khi** thấy với chánh trí tuệ là: "*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi*", **thì sẽ được giải thoát, không có chấp thủ.**

5-7) Phàm **thọ** gì... phàm **tướng** gì... phàm các **hành** gì...

8) Phàm **thức** gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả pháp, sau khi thấy với chánh

trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", thì sẽ được giải thoát, không có chấp thủ.

9) Do biết như vậy, này Ràhula, do thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, được giải thoát, không có chấp thủ.

10) Do biết như vậy, này Ràhula, do thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát.

10 Ràhula - Tương IV, 181

Ràhula – Tương IV, 181

1) Một thời Thế Tôn ở trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Thế Tôn trong khi độc cư Thiền tịnh, các tư niệm sau đây được khởi lên: "Đã thuần thục là các pháp đưa đến giải thoát được chín muồi cho Ràhula. Vậy Ta hãy giảng dạy cho Ràhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc".

3) Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực, khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, gọi Tôn giả Ràhula:

-- Này Ràhula, hãy cầm tọa cụ đi đến rừng Andha để nghỉ trưa.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ràhula vâng đáp Thế Tôn, cầm lấy tọa cụ, và đi sau lưng Thế Tôn.

4) Lúc bảy giờ, rất nhiều ngàn Thiên nhân đi theo Thế Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Thế Tôn sẽ giảng

dạy cho Ràhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc ".

5) Rồi Thế Tôn đi sâu vào rừng Andha và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn dưới gốc cây. Rồi Tôn giả Ràhula, sau khi đánh lễ Thế Tôn liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ràhula đang ngồi xuống một bên:

6) -- Ông nghĩ thế nào, này Ràhula, *mắt* là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- *Sắc* là thường hay vô thường?...

Nhãn thức là thường hay vô thường?...

Nhãn xúc là thường hay vô thường?...

Do duyên nhân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi "?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

7-8) -- Tai... Mũi...

9-10) Lưỡi... Thân...

11) *Ý là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- *Các pháp* là thường hay vô thường?...

Ý thức là thường hay vô thường?...

Ý xúc là thường hay vô thường?...

Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

12) -- Thấy vậy, này Ràhula, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc,

nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Phàm duyên nhãn xúc này khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì, nhàm chán đối với pháp ấy... nhàm chán đối với **tai**... nhàm chán đối với **mũi**... nhàm chán đối với **lưỡi**... nhàm chán đối với **thân**... nhàm chán đối với **ý**, nhàm chán đối với pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì, nhàm chán đối với pháp ấy. **Do nhàm chán, vị ấy ly tham**. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí hiểu biết: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) Thế Tôn thuyết như vậy. Tôn giả Ràhula hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời thuyết giảng này được nói lên, tâm Tôn giả Ràhula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và hàng nhiều ngàn chư Thiên khởi lên pháp nhãn ly trần vô cấu: "Phàm các pháp gì được sanh khởi, tất cả đều bị đoạn diệt".

11 Ràsiya - Tương IV, 517

Ràsiya – Tương IV, 517

1) ...

2) Một thời thôn trưởng Ràsiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, thôn trưởng Ràsiya bạch Thế Tôn:

-- Con có nghe rằng Sa-môn Gotama chỉ trích tất cả khổ hạnh, bài bác, chống báng hoàn toàn mọi người sống khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ. Những người nói như vậy, bạch Thế Tôn, không biết có nói đúng với lời Thế Tôn, không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thực, trả lời thuận pháp, đúng pháp, và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích?

-- Nay Thôn trưởng, những ai đã nói như sau: "Sa-môn Gotama chỉ trích tất cả khổ hạnh, bài bác, chống báng hoàn toàn mọi lối sống khắc khổ"; họ nói không đúng lời Ta nói, họ xuyên tạc Ta với điều không thật, với điều không chơn chánh.

I

4) Có **hai cực đoan** mà người xuất gia không nên thực hành:

- Một là say đắm dục lạc đối với các dục vọng hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích.
- Hai là hành hạ tự thân, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.
- Từ bỏ hai cực đoan này là **con đường trung đạo**, đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) *Thế nào là con đường trung đạo ấy, này Thôn trưởng, đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?*

Đây là **con đường Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này Thôn trưởng, được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

II

6) *Này Thôn trưởng, có ba hạng người hưởng thọ vật dục có mặt ở trong đời. Thế nào là ba?*

(i)

7) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

(ii)

8) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

(iii)

9) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức.

(iv)

10) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

(v)

11) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

(vi)

12) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ, làm các công đức.

(vii)

13) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp, không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

(viii)

14) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản một cách hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

(ix)

15) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ, và làm các công đức. Nhưng người ấy hưởng thọ với tâm tham trước, đắm say, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, không với trí tuệ xuất ly.

(x)

16) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức

mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Nhưng người ấy hưởng thọ với tâm không tham trước, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hiểm và với trí huệ xuất ly.

III

(i)

17) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về ba phương diện bị chỉ trích.

Về ba phương diện nào bị chỉ trích?

- Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích.
- Người ấy không vui sướng, không hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.
- Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích.

Này Thôn trưởng, người hưởng thọ vật dục này về **ba** phương diện bị chỉ trích.

(ii)

18) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, nhưng không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về **hai** phương diện bị chỉ trích, về **một** phương diện được tán thán.

Về hai phương diện gì bị chỉ trích?

- Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích.
- Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.

Về một phương diện gì người ấy được tán thán?

- Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện này, người ấy được tán thán.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán.

(iii)

19) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui vẻ, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về **một** phương diện bị chỉ trích, về **hai** phương diện được tán thán.

Về một phương diện gì người ấy bị chỉ trích?

- Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Về phương diện gì người ấy được tán thán?

- Người ấy tự mình vui vẻ, hoan hỷ, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán.
- Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán.

(iv)

20) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về **một** phương diện được tán thán, về **ba** phương diện bị chỉ trích.

Một phương diện gì được tán thán?

- Người ấy tìm cầu tài sản một cách hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy được tán thán.

Về ba phương diện nào người ấy bị chỉ trích?

- Người ấy tìm cầu tài sản một cách phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích.

- Người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.
- Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thân trưởng, về một phương diện được tán thán, về ba phương diện bị chỉ trích.

(v)

21) Ở đây, này Thân trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản một cách hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, tự mình vui sướng, hoan hỷ, nhưng không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thân trưởng, về **hai** phương diện được tán thán, về **hai** phương diện bị chỉ trích.

Về hai phương diện nào người ấy được tán thán?

- Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán.
- Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.

Về hai phương diện nào người ấy bị chỉ trích?

- Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích.
- Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích.

(vi)

22) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về **ba** phương diện được tán thán, về **một** phương diện bị chỉ trích.

Về ba phương diện nào được tán thán?

- Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán.

- Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.
- Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy được tán thán.

Thế nào là một phương diện người ấy bị chỉ trích?

- Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về một phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thân trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích.

(vii)

23) Ở đây, có người hưởng thọ vật dục, này Thân trưởng, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ và không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thân trưởng, về **một** phương diện được tán thán, về **hai** phương diện bị chỉ trích.

Về một phương diện nào được tán thán?

- Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy được tán thán.

Về hai phương diện nào người ấy bị chỉ trích?

- Người ấy không tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích.
- Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thân trưởng, về một phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích.

(viii)

24) Ở đây, có người hưởng thọ vật dục, này Thân trưởng, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thân trưởng, về **hai** phương diện được tán thán, về **một** phương diện bị chỉ trích.

Về hai phương diện nào người ấy được tán thán?

- Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán.
- Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.

Về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích?

- Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thân trưởng, về hai phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích.

(ix)

25) Ở đây, này Thân trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ các tài sản một cách **tham trước**, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, với trí tuệ không xuất ly. Người hưởng thọ vật dục này, này Thân trưởng, về **ba** phương diện được tán thán, về **một** phương diện bị chỉ trích.

Về ba phương diện nào người ấy được tán thán?

- Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán.
- Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.
- Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy được tán thán.

Về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích?

- Người ấy hưởng thọ các tài sản ấy với tâm tham trước, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, với trí tuệ không xuất ly, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thân trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích.

(x)

26) Ở đây, này Thân trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ

các tài sản ấy, **không có tham trước**, không có say đắm, không có phạm tội, thấy sự nguy hiểm và với trí tuệ xuất ly. Người hưởng thọ vật dục này, này **Thôn trưởng**, về **bốn** phương diện được tán thán.

Về bốn phương diện nào được tán thán?

- Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán.
- Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.
- Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy được tán thán.
- Người ấy hưởng thọ tài sản ấy không có tham trước, không có say đắm, không có phạm tội, thấy sự nguy hiểm và với trí tuệ xuất ly, về phương diện thứ tư này, người ấy được tán thán.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về bốn phương diện được tán thán.

IV.(i)

27) *Này Thôn trưởng, có ba hạng người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, có mặt hiện sống ở đời.*

28) Nay Thôn trưởng, có hạng người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, do lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy nghĩ rằng: *"Mong rằng ta chứng được thiện pháp; mong rằng ta chứng ngộ các Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!"*. Vị ấy tự mình hành xác, hành khổ, nhưng không chứng được thiện pháp nào; không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào.

IV.(ii)

29) Ở đây, nay Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ rằng: *"Mong rằng ta chứng được thiện pháp; mong rằng ta chứng ngộ các Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!"*. Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp; nhưng không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

IV.(iii)

30) Ở đây, nay Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ rằng: *"Mong rằng ta chứng được thiện pháp; mong rằng ta chứng ngộ các*

Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!" Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp; chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

V.(i)

31) Ở đây, này Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khổ, không chứng được thiện pháp; không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về **ba** phương diện bị chỉ trích.

Thế nào là về ba phương diện bị chỉ trích?

- Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích.
- Người ấy không chứng đắc thiện pháp, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.
- Người ấy không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về ba phương diện này bị chỉ trích.

V.(ii)

32) Ở đây, này Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, nhưng không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về **hai** phương diện bị chỉ trích, về **một** phương diện được tán thán.

Thế nào là về hai phương diện người ấy bị chỉ trích?

- Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích.
- Người ấy không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.

Thế nào là về một phương diện người ấy được tán thán?

- Người ấy chứng được thiện pháp, về phương diện này, người ấy được tán thán.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán.

V.(iii)

33) Ở đây, này Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, và chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này về **một** phương diện bị chỉ trích, về **hai** phương diện được tán thán.

Về một phương diện nào bị chỉ trích?

- Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Về hai phương diện nào người ấy được tán thán?

- Người ấy chứng được thiện pháp, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán.
- Người ấy chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán.

VI

34) *Này Thôn trưởng, có ba pháp thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà*

*thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí
tự mình giác hiểu. Thế nào là ba?*

VI.(i)

35) Phàm người tham dục (ràga), do nhân tham dục, nghĩ đến tự hại, nghĩ đến hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi tham dục được đoạn tận, người ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những pháp này thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến đề mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

VI.(ii)

36) Phàm người sân hận, do nhân sân hận, nghĩ đến tự hại, nghĩ đến hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi sân hận được đoạn tận, người ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những pháp này thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến đề mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

VI.(iii)

37) Phàm người si mê, do nhân si mê, nghĩ đến tự hại, nghĩ đến hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. **Khi si mê được đoạn tận**, vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những pháp này thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Ba pháp này, này Thôn trưởng, thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

38) Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Ràsiya bạch Thế Tôn:

-- Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn!... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

12 Râu Lúa Mì - Tương V, 76

Râu Lúa Mì – Tương V, 76 (Sukiya)

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, sợi râu lúa mì, hay sợi râu lúa mạch được đặt hướng chân chánh, khi bị tay chân đè vào, có thể đâm thủng tay chân, hay có thể làm đổ máu. Sự tình này có xảy ra. Vì sao? Vì sợi râu được đặt hướng chân chánh.*

3) Cũng vậy, Tỷ-kheo nhờ đặt hướng chân chánh, tu tập con đường chơn chánh, thời vô minh được cắt đoạn, minh sẽ được khởi lên, Niết-bàn sẽ được chứng đắc. Sự kiện như vậy có xảy ra. Vì sao? Vì tri **kiến** được đặt hướng một cách chân chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo nhờ chân chánh đặt hướng tri kiến, nhờ chân chánh đặt hướng con đường tu tập nên đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, chứng ngộ được Niết-bàn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **tu tập chánh tri kiến** liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chân chánh đặt hướng tri kiến, chân chánh

đặt hướng con đường tu tập, đâm thủng vô minh, làm
minh sanh khởi, chứng ngộ được Niết-bàn.

13 RƠI VÀO ĐỌA XỨ - Tăng I, 482

RƠI VÀO ĐỌA XỨ – *Tăng I, 482*

- ❖ Đây các Tỷ-kheo, ba hạng người này rơi vào đọa xứ, rơi vào địa ngục, trừ phi họ đoạn bỏ pháp này. Thế nào là ba?
 - Ai sống không Phạm hạnh, tự xưng là có sống Phạm hạnh;
 - Đối với người sống Phạm hạnh thanh tịnh, hành Phạm hạnh thật thanh tịnh, ai công kích là không Phạm hạnh một cách không căn cứ.
 - Ai chủ trương như sau: "Không có lỗi lầm trong các dục vọng" và rơi vào say đắm trong các dục vọng.

Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người rơi vào đọa xứ, rơi vào địa ngục, trừ phi họ đoạn bỏ pháp này.

14 Rượu - Tương V, 674

Rượu – Tương V, 674

1) ...

2-3) ... (giống như đoạn số 2-3, kinh trên) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Vì sao?

5) Này các Tỷ-kheo, vì không thấy **bốn Thánh đế**.

Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

15 RẤT LÀ NHẸ - Tăng III, 623

RẤT LÀ NHẸ – Tăng III, 623

1.- Này các Tỷ-kheo, sát sanh được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. *Quả dị thực hết sức nhẹ của sát sanh là được làm người với tuổi thọ ngắn.*

2. Này các Tỷ-kheo, lấy của không cho được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. *Quả dị thực hết sức nhẹ của lấy của không cho là được làm người với sự tổn hại tài sản.*

3. Này các Tỷ-kheo, tà hạnh trong các dục được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. *Quả dị thực hết sức nhẹ của tà hạnh trong các dục là được làm người với sự oán thù của kẻ địch.*

4. Này các Tỷ-kheo, nói láo được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. *Quả dị thực hết sức nhẹ của nói láo là được làm người bị vu cáo không đúng sự thật.*

5. Nay các Tỷ-kheo, nói hai lưỡi được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. *Quả dị thực hết sức nhẹ của nói hai lưỡi là được làm người với bạn bè bị đổ vỡ.*

6. Nay các Tỷ-kheo, nói ác khẩu được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. *Quả dị thực hết sức nhẹ của nói ác khẩu là được làm người và được nghe những tiếng không khả ý.*

7. Nay các Tỷ-kheo, nói lời phù phiếm được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. *Quả dị thực hết sức nhẹ của nói lời phù phiếm là được làm người và được nghe những lời khó chấp nhận.*

8. Nay các Tỷ-kheo, uống men rượu, rượu nấu, được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. *Quả dị thực hết sức nhẹ của uống rượu là được làm người với tâm điên loạn.*

16 RẤT XA XĂM - Tăng I, 647

RẤT XA XĂM – Tăng I, 647

1. - Này các Tỷ-kheo, có bốn sự việc này, rất xa, rất xa với nhau. Thế nào là bốn?

- Trời và đất, là sự việc thứ nhất rất xa, rất xa với nhau.
- Bờ biển bên này với bờ biển bên kia, là sự việc thứ hai rất xa, rất xa với nhau.
- Từ chỗ mặt trời mọc lên đến chỗ mặt trời lặn xuống, là sự việc thứ ba rất xa, rất xa với nhau.
- Pháp của hạng người bất thiện với pháp của hạng người thiện, là sự việc thứ tư rất xa, rất xa với nhau.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn sự việc rất xa, rất xa với nhau này.

2. Rất xa là bầu trời,
Cũng rất xa, quả đất,
-Người ta nói rất xa,
Là bờ biển bên kia.
-Từ chỗ mặt trời mọc,
Chói sáng, tỏa ánh sáng,
Đến chỗ mặt trời lặn.

*Rằng xa, thật là xa,
-Người ta nói xa hơn,
Là pháp của bậc thiện,
Với pháp kẻ bất thiện,
Thật xa, xa hơn nhiều.*

*Hòa hợp với bậc thiện,
Thường hằng, không hoại diệt,
Khi nào còn đứng vững,
Vẫn như vậy kiên trì,*

*Còn hòa hợp bất thiện,
Rất mau bị phá hoại,
Do vậy pháp bậc thiện,
Rất xa pháp kẻ ác.*

17 Rất Giàu Hay Giàu - Tương V, 586

Rất Giàu Hay Giàu – Tương V, 586

1) ...

2) -- Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với **đức Phật**: *"Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn"*.
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với **Pháp**: *"Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu"*.
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng **Tăng**: *"Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung*

kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

- Vị ấy thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.

4) Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là **giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn.**

18 RẮN ĐEN 1 - Tăng II, 729

RẮN ĐEN 1 – Tăng II, 729

1. - **Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.**

2. Thế nào là năm?

- Không thanh tịnh,
- Hôi thúi,
- Sợ hãi rụt rè,
- Đáng sợ hãi,
- Làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.

3. **Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân.**

4. Thế nào là năm?

- Không thanh tịnh,
- Hôi thúi,
- Sợ hãi rụt rè,
- Đáng sợ hãi,
- Làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân.

19 RẮN ĐEN 2 - Tăng II, 730

RẮN ĐEN 2 – Tăng II, 730

1. - **Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.**

2. Thế nào là năm?

- Phẫn nộ,
- Hiềm hận,
- Có nọc độc,
- Lưỡi chia hai,
- Làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân.

4. Thế nào là năm?

- Phẫn nộ,
- Hiềm hận,
- Có nọc độc,
- Lưỡi chia hai,
- Làm hại bạn.

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, noc đoc của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn hay **tham đắm**.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, lưỡi chia hai của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn **nói hai lưỡi**.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nữ nhân làm hai bạn như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn **ngoại tình**!

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân.

Rắn Độc – Tương IV, 283

1-2) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi... gọi các Tỷ-kheo...
Thế Tôn nói như sau:

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, có bốn con rắn độc, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt. Rồi có người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có bốn con rắn độc này, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt. Thỉnh thoảng hãy thức chúng dậy, thỉnh thoảng hãy tắm cho chúng, thỉnh thoảng hãy cho chúng ăn, thỉnh thoảng hãy cho chúng vào huyết (để ngủ). Này Bạn, nếu một trong bốn con rắn độc này, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, tức giận, thời này Bạn, Bạn sẽ đi đến chết, hay đau khổ gần như chết. Vậy này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ cần phải làm".

4) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, chạy trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có năm kẻ sát nhân thù địch này, đang

đi theo sau lưng Bạn. Chúng nói: "Khi nào chúng ta thấy nó, chúng ta sẽ giết nó". Nay Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".

5) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc ấy, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch ấy, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có một tên thứ sáu cướp nhà, giết người, với ngọn kiếm dơ lên, đang đi theo sau lưng Bạn. Nó nói: "Khi nào ta thấy nó, ta sẽ chém đầu nó". Nay Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".

6) Rồi, này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm dơ lên, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một ngôi làng trống không. Nhà nào người ấy đi vào, người ấy vào chỗ trống không, vào chỗ rỗng không, vào chỗ tuyệt không. Người ấy sờ đến đồ dùng nào, người ấy sờ chỗ trống không, người ấy sờ chỗ rỗng không, người ấy sờ chỗ tuyệt không. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, bọn cướp phá hoại làng, sẽ đánh cướp ngôi làng trống không này. Nay Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".

7) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên giết người thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm dơ lên, quá sợ hãi các tên cướp làng, liền chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một đầm nước lớn, bờ bên này đầy những sợ hãi nguy hiểm, bờ bên kia được an ổn, không có sợ hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, không có cầu để đi qua đi lại.

8) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy suy nghĩ như sau: "Đây là vùng nước động, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn, không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, cũng không có cầu bắc qua từ bờ bên này đến bờ bên kia. Nay ta hãy thu góp cỏ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, ta có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn."

9) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy thu góp cỏ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, người ấy vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia, đứng trên đất liền.

10) **Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, Ta làm để giải thích ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa:**

11) Bốn con rắn độc với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **bốn đại chủng**: địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại.

12) Năm tên giết người thù địch, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **năm thủ uẩn**: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

13) Tên thứ sáu cướp nhà, giết người với cây kiếm giờ lên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **dục tham**.

14) Ngôi làng trống không, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **sáu nội xứ**. Này các Tỷ-kheo, nếu một người hiền, kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con mắt; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không... Nếu tìm hiểu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.

15) Bọn cướp phá làng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **sáu ngoại xứ**. Này các Tỷ-kheo, mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, thân bị tàn hại trong các xúc khả ái và

không khả ái. Nay các Tỷ-kheo, ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái.

16) Vùng nước lớn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **bốn bậc lưu**: dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu và vô minh bậc lưu.

17) Bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **thân kiến** này.

18) Bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **Niết-bàn**.

19) Cái bè, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **Thánh đạo Tám ngành**.

20) Tinh tấn dùng tay và dùng chân, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **tinh tấn, tinh cần**.

21) Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia và đứng trên đất liền, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **bậc A-la-hán**.

21 RỘNG RÃI - Tăng II, 305

RỘNG RÃI – Tăng II, 305

1. - Nay các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Thế nào là năm? **Tín lực, tầm lực, quý lực, tinh tấn, tuệ lực.**

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tín lực?

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Như vậy, nay các Tỷ-kheo, được gọi là tín lực.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tầm lực?

3. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có **lòng hồ thẹn** đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, **hồ thẹn** đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, được gọi là tầm lực.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là quý lực?

4. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có **lòng sợ hãi**, sợ hãi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ

ác, sợ hãi đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là quý lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh tấn lực?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử **sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện**, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì tinh tấn, không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tinh tấn lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ lực?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với **sự thể nhập bậc Thánh vào con đường đoạn tận khổ đau**. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ lực.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm sức mạnh của bậc Hữu học. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

7. "Ta sẽ thành tựu tín lực, được gọi là hữu học lực... tàmm lực... quý lực... tinh tấn lực... ta sẽ thành tựu tuệ lực, được gọi là hữu học lực". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

22 Rộng Thuyết 1 - Tương V, 314

Rộng Thuyết 1 – *Tương V*, 314

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Nay các Tỷ-kheo,

1. Với sự đoạn diệt, với sự viên mãn năm căn này, là **bậc A-la-hán**.
2. Yếu nhẹ hơn là bậc **Trung gian Bát-niết-bàn**.
3. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tôn hạo Bát-niết-bàn** (Upahacca parinibhàvii).
4. Yếu nhẹ hơn là bậc **Vô hành Niết-bàn**.
5. Yếu nhẹ hơn là bậc **Hữu hành Niết-bàn**.
6. Yếu nhẹ hơn là bậc **Thượng lưu, đạt đến Sắc cứu cánh thiên**.
7. Yếu nhẹ hơn là bậc **Nhất lai**.
8. Yếu nhẹ hơn là bậc **Dự lưu**.
9. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy pháp hành**.
10. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy tín hành**.

Rộng Thuyết 2 – Tương V, 314

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.** Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Nay các Tỷ-kheo,

1. Với sự đoạn diệt, với sự viên mãn năm căn này, là **bậc A-la-hán.**
2. Yếu nhẹ hơn là bậc **Trung gian Bát-niết-bàn.**
3. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tổn hại Bát-niết-bàn (Upahacca parinibhàvii).**
4. Yếu nhẹ hơn là bậc **Vô hành Niết-bàn.**
5. Yếu nhẹ hơn là bậc **Hữu hành Niết-bàn.**
6. Yếu nhẹ hơn là bậc **Thượng lưu, đạt đến Sắc cứu cánh thiên.**
7. Yếu nhẹ hơn là bậc **Nhất lai.**
8. Yếu nhẹ hơn là bậc **Dự lưu.**
9. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy pháp hành.**
10. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy tín hành.**

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự sai khác về căn, sự sai khác về quả, sự sai khác về lực, sự sai khác về người.

Rộng Thuyết 3 – *Tương V*, 315

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Nay các Tỷ-kheo,

1. Với sự đoạn diệt, với sự viên mãn năm căn này, là **bậc A-la-hán**.
2. Yếu nhẹ hơn là bậc **Trung gian Bát-niết-bàn**.
3. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tổn hại Bát-niết-bàn** (Upahacca parinibhàvii).
4. Yếu nhẹ hơn là bậc **Vô hành Niết-bàn**.
5. Yếu nhẹ hơn là bậc **Hữu hành Niết-bàn**.
6. Yếu nhẹ hơn là bậc **Thượng lưu, đạt đến Sắc cứu cánh thiên**.
7. Yếu nhẹ hơn là bậc **Nhất lai**.
8. Yếu nhẹ hơn là bậc **Dự lưu**.
9. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy pháp hành**.
10. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy tín hành**.

4) *Như vậy, này các Tỷ-kheo, ai làm viên mãn, được quả viên mãn; ai làm từng phần, được quả từng*

*phần. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn **không phải trống không.***

23 Rộng Thuyết 2 - Tương V, 314

Rộng Thuyết 2 – *Tương V*, 314

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Nay các Tỷ-kheo,

11. Với sự đoạn diệt, với sự viên mãn năm căn này, là **bậc A-la-hán**.
12. Yếu nhẹ hơn là bậc **Trung gian Bát-niết-bàn**.
13. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tôn hạo Bát-niết-bàn** (Upahacca parinibhàvii).
14. Yếu nhẹ hơn là bậc **Vô hành Niết-bàn**.
15. Yếu nhẹ hơn là bậc **Hữu hành Niết-bàn**.
16. Yếu nhẹ hơn là bậc **Thượng lưu, đạt đến Sắc cứu cánh thiên**.
17. Yếu nhẹ hơn là bậc **Nhất lai**.
18. Yếu nhẹ hơn là bậc **Dự lưu**.
19. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy pháp hành**.
20. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy tín hành**.

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự sai khác về căn, sự sai khác về quả, sự sai khác về lực, sự sai khác về người.

24 Rộng Thuyết 3 - Tương V, 315

Rộng Thuyết 3 – Tương V, 315

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Nay các Tỷ-kheo,

11. Với sự đoạn diệt, với sự viên mãn năm căn này, là **bậc A-la-hán**.
12. Yếu nhẹ hơn là bậc **Trung gian Bát-niết-bàn**.
13. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tồn hại Bát-niết-bàn** (Upahacca parinibhàvii).
14. Yếu nhẹ hơn là bậc **Vô hành Niết-bàn**.
15. Yếu nhẹ hơn là bậc **Hữu hành Niết-bàn**.
16. Yếu nhẹ hơn là bậc **Thượng lưu, đạt đến Sắc cứu cánh thiên**.
17. Yếu nhẹ hơn là bậc **Nhất lai**.
18. Yếu nhẹ hơn là bậc **Dự lưu**.
19. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy pháp hành**.
20. Yếu nhẹ hơn là bậc **Tùy tín hành**.

4) *Như vậy, này các Tỷ-kheo, ai làm viên mãn, được quả viên mãn; ai làm từng phần, được quả từng*

phần. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn không phải trống không.

25 RỜI KHỎI - Tăng I, 551

RỜI KHỎI – *Tăng I, 551*

1.- Người không thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi pháp luật này. Thế nào là bốn?

- Không thành tựu **Thánh giới**, được gọi là bị rời khỏi pháp luật này.
- Không thành tựu **Thánh Thiền định**, ...
- Không thành tựu **Thánh Trí tuệ**, ...
- Không thành tựu **Thánh giải thoát**, được gọi là bị rời khỏi pháp luật này.

Không thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi pháp luật này.

2. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi pháp luật này.

3. Thế nào là bốn?

- Thành tựu Thánh giới, được gọi là không rời khỏi pháp luật này.
- Thành tựu Thánh Thiền định, ...
- Thành tựu Thánh Trí tuệ, ...

- Thành tựu Thánh giải thoát, được gọi là không rời khỏi pháp luật này.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi pháp luật này.

*Sau khi chết họ rơi
Bị rơi họ tham ái
Do vậy họ trở lại
Một lần nữa tái sanh
Đã làm việc phải làm
Đã thích việc đáng thích
Người ấy được an lạc
Do an lạc đưa đến*

26 RỪNG - Tăng II, 505

RỪNG – Tăng II, 505

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn **Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn không có nhiều**, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời;
- **Ăn uống ít**, không chuyên lo về bao tử,
- **Ít thụy miên**, chuyên chú vào giác tỉnh;
- **Sống ở trong rừng, sống tại các sàng tọa xa vắng;**
- **Quán sát tâm như đã được giải thoát.**

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm cho sung mãn Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

27 RỪNG - Tăng II, 664

RỪNG – Tăng II, 664

1. - Có năm hạng người này sống ở rừng.

2. Thế nào là năm?

- Hạng đàn độn ngu si sống ở rừng;
- Hạng ác dục ác tánh sống ở rừng;
- Hạng kiêu mạn loạn tâm sống ở rừng;
- Hạng ở rừng vì được nghe Thế Tôn và các đệ tử Phật tán thán;
- Hạng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này sống ở rừng;

Này các Tỷ-kheo, có năm hạng người này sống ở rừng.

3. Trong năm hạng người này sống ở rừng, này các Tỷ-kheo, hạng sống ở rừng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này sống ở rừng. Hạng người này trong năm hạng người ấy là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu.

Ví như này các Tỷ-kheo, từ con bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thực tô, từ thực tô có đề hồ. Đây được gọi là đệ nhất.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong năm hạng người này sống ở rừng, này các Tỷ-kheo, hạng sống ở rừng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này ăn từ bình bát. Hạng người này trong năm hạng người ấy là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu.

CÁC HẠNG NGƯỜI KHÁC – Tăng II, 665

1. - Này các Tỷ-kheo, năm hạng người **mặc y nhật từ đông rác** này...
2. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người **sống dưới gốc cây** này...
3. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người **sống ở nghĩa địa** này...
4. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người **sống ở ngoài trời** này...
5. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người **ngồi không chịu nằm** này...

6. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người **nằm bất cứ chỗ nào được mời** này...

7. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người **chỉ ngồi ăn một lần** này...

8. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người **theo hạnh ăn xong, sau không ăn** nữa...

28 RỪNG KHÔNG TƯỐC - Tăng IV, 661

RỪNG KHÔNG TƯỐC – *Tăng IV, 661*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá) tại chỗ nuôi dưỡng không tước ở khu vườn các du sĩ. Tại đây, Thế Tôn gọi là Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc tối thượng giữa chư Thiên và loài Người

3. . Thế nào là ba?

- Vô học **giới** uẩn.
- Vô học **định** uẩn.
- Vô học **tuệ** uẩn.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an

ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

4. Lại thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh... chư Thiên và loài Người.

5. Thế nào là ba?

- **Thần biến** thần thông.
- **Ký tâm** thần thông.
- **Giáo hóa** thần thông.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh... chư Thiên và loài Người.

6. Lại thành tựu ba pháp khác, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh... chư Thiên và loài Người.

7. Thế nào là ba?

- **Với chánh tri kiến.**
- **Với chánh trí.**
- **Với chánh giải thoát.**

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh... chư Thiên và loài Người.

8. Thành tựu với hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh... chư Thiên và loài Người.

9. Thế nào là hai?

- Với **minh**.
- Và với **hạnh**.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh... chư Thiên và loài Người.

10. Này các Tỷ-kheo, đây là những bài kệ do **Phạm thiên Sanamkumàra** nói lên:

*Sát-ly, chúng tôi thắng,
Với người tin chủng tánh,
Bậc Minh Hạnh đầy đủ,
Tôi thắng giữa Nhân, Thiên.*

Này các Tỷ-kheo, những bài kệ này được khéo hát lên, không phải vụng hát, được khéo nói lên, không phải vụng nói, liên hệ đến mục đích, không phải

không liên hệ đến mục đích, và được Ta chấp nhận.
Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói lên như vậy:

*Sát-ly, chúng tôi thắng,
Với người tin chúng tánh,
Bậc Minh Hạnh đầy đủ,
Tôi thắng giữa chư Thiên.*

29 RỪNG SỪNG BÒ - 32 Trung I, 463

ĐẠI KINH RỪNG SỪNG BÒ (Maha Gosinga sutta)

– Bài kinh số 32 – *Trung I*, 463

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại khu vườn trong rừng Gosinga có nhiều cây ta-la cùng với một số đông Thượng Tọa đệ tử nổi tiếng như Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất) Tôn giả Mahamoggallana (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahakassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa), Tôn giả Ananda (A-nan) cùng với một số Thượng Tọa đệ tử nổi tiếng khác. Rồi Tôn giả Mahamoggallana vào buổi chiều, sau khi tham thiền đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Mahakassapa ở, sau khi đến bèn nói với **Tôn giả Mahakassapa**:

– Hiền giả Kassapa, chúng ta hãy đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahakassapa vâng đáp Tôn giả

Mahamoggallana. Rồi Tôn giả Mahamoggallana, Tôn giả Mahakassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp. Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Mahamoggallana, Tôn giả Mahakassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp, sau khi thấy vậy liền đi đến chỗ Tôn giả Revata và nói với **Tôn giả Revata**:

– Này Hiền giả Revata, các bậc Thượng nhân như vậy đã đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp. Này Hiền giả Revata, chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Revata vâng đáp Tôn giả Ananda. Rồi Tôn giả Revata và Tôn giả Ananda đi đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp. Tôn giả Sariputta thấy Tôn giả Revata, Tôn giả Ananda từ xa đi đến, sau khi thấy bèn nói với Tôn giả Ananda:

– **Tôn giả Ananda** hãy đến đây, thiện lai, Tôn giả Ananda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn. Này Hiền giả Ananda, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây Ta la trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Ananda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm chói sáng khu rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát; vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Revata:

– Này Hiền giả Revata, Tôn giả Ananda đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata: Này Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu pháp, tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Anuruddha:

– Nay **Hiền giả Anuruddha**, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha: Nay Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Nay Hiền giả Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?

– Ở đây, nay Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo, với **thiên nhãn thanh tịnh**, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Nay Hiền giả Sariputta, ví như một người có mắt lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp, quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, nay Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Nay Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Mahakassapa:

– Nay **Hiền giả Kassapa**, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa: Nay Hiền giả Kassapa, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Nay Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu

rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo, **tự mình sống ở rừng núi** và tán thán đời sống ở rừng núi, tự mình sống khát thực, và tán thán đời sống khát thực, tự mình mặc y phần tảo và tán thán hạnh mặc y phần tảo, tự mình sống với ba y và tán thán hạn ba y, tự mình sống thiếu dục và tán thán hạnh thiếu dục, tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ, tự mình sống độc cư và tán thán hạnh sống độc cư, tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục, tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạn tinh cần, tinh tấn, tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh, tự mình thành tựu Thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định, tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ, tự mình thành tựu giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát, tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta nói Tôn giả Mahamoggallana:

– **Hiền giả Moggallana**, Tôn giả Mahakassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay

chúng tôi hỏi Tôn giả Mahamoggallana: Này Hiền giả Moggallana, khả ái thay khu rừng Gosinga!... Này Hiền giả Moggallana, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về Abhidhamma (A-tỳ-đàm). Các vị ấy hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, các vị trả lời được với nhau chớ không dừng lại (không trả lời được), và cuộc đàm luận về pháp được tiếp tục. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana nói với Tôn giả Sariputta:

– Hiền giả Sariputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sariputta: Này Hiền giả Sariputta, khả ái thay, khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây Ta-la trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Moggallana, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú

quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallana, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallana, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallana, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Rồi Tôn giả Sariputta nói với các Tôn giả ấy:

– Này chư Hiền, chúng ta đã trả lời theo sự giải thích của chúng ta. Chư Hiền, chúng ta hãy đi đến chỗ Thế Tôn ở và thuật lại vấn đề này cho Thế Tôn rõ. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ

như vậy thọ trì.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tôn giả ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Rồi những Tôn giả ấy đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Tôn giả Revata và Tôn giả Ananda đến tại chỗ con ở để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, con thấy Tôn giả Revata và Tôn giả Ananda từ xa đi đến; thấy vậy, con nói với Tôn giả Ananda:

"– Tôn giả Ananda, hãy đến đây, thiện lai Tôn giả Ananda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn. Nay Hiền giả Ananda, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây ta-la nở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Nay Hiền giả Ananda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga? "

Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, Tôn giả Ananda trả lời với con như sau:

"– Ở đây, Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo nghe

nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên. Đây Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga."

– Lành thay, lành thay, Sariputta! **Nếu trả lời cho được chơn chánh, Ananda phải trả lời như vậy.** Đây Sariputta, Ananda là bậc đa văn, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng, với văn cú viên dung lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên.

– Bạch Thế Tôn khi nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Revata:

"– Đây Hiền giả Revata, Tôn giả Ananda, đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata:

"– Này Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga".

"– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga".

– Lành thay, lành thay, Sariputta! **Nếu trả lời cho được chơn chánh, Revata phải trả lời như vậy.** Này Sariputta, Revata ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch.

– Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, con nói với Tôn giả Anuruddha như sau:

"– Này Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha:

"– Này Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả

Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Anuruddha nói với con:

"– Này Hiền giả Sariputta, ở đây, Tỷ-kheo với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, ví như một người có mắt, lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp rồi quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga".

- Lành thay, lành thay, Sariputta! **Nếu trả lời cho được chơn chánh, Anuruddha phải trả lời như vậy.** Này Sariputta, chính Anuruddha với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên quán sát ngàn thế giới.

– Bạch Thế Tôn, được nói vậy, con nói với Tôn giả Mahakassapa:

"– Này Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa:

"— Khả ái thay ngôi rừng Gosinga!... (như trên)... Nay Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Mahakassapa nói với con:

"— Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi, tự mình sống khát thực và tán thán đời sống khát thực, tự mình mặc y phần tảo và tán thán hạnh mặc y phần tảo, tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y, tự mình sống thiếu dục và tán thán hạnh thiếu dục, tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ, tự mình sống độc cư và tán thán hạnh độc cư, tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục, tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn, tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh, tự mình thành tựu thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định, tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ, tự mình giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát, tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Nay Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo ấy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga."

– Lành thay Sariputta! Nếu trả lời cho được chân chánh, Kassapa phải trả lời như vậy. Nay Sariputta, Kassapa tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi... tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến.

– Bạch Thế Tôn, được nói vậy, con nói với Tôn giả Mahamoggallana:

"– Hiền giả Moggallana, Tôn giả Mahakassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahamoggallana:

"– Nay Hiền giả Moggallana, khả ái thay khu rừng Gosinga!... Nay Hiền giả Moggallana, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Mahamoggallana nói với con:

"– Ở đây, nay Hiền giả Sariputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về Abhidhamma, (A-tỳ-đàm). Họ hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, họ trả lời được với nhau, chớ không dừng lại vì không trả lời được, và cuộc đàm luận về pháp của họ được tiếp tục. Nay Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga. "

– Lành thay Sariputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Moggallana phải trả lời như vậy. Nay Sariputta, Moggallana là bậc thuyết về Chánh pháp.

Được nói vậy, Tôn giả Mahamoggallana bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nói với Tôn giả Sariputta, như sau:

"– Hiền giả Sariputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sariputta:

"– Nay Hiền giả Sariputta, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trắng, cây ta-la trở hoa cùng khắp, hương trời như tỏa rộng khắp nơi. Nay Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

– Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với con:

"– Ở đây, nay Hiền giả Moggallana, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả

ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallana, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallana, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, Tỷ-kheo ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallana, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?."

– Lành thay, lành thay, Moggallana! **Nếu trả lời cho được chơn chánh, Sariputta phải trả lời như vậy. Này Moggallana, Sariputta điều phục được tâm, không phải Sariputta không điều phục được tâm.** An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa;

an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vị nào đã khéo trả lời (câu hỏi được đặt ra)?

– Nay Sariputta, tất cả đều lần lượt khéo trả lời.

Và nay các Ông hãy nghe Ta nói hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?

Ở đây, nay Sariputta, Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực về, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, và nghĩ rằng: **"Ta sẽ không bỏ ngồi kiết-già này cho đến khi tâm của ta được khéo giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ"**. Nay Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tôn giả ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

30 RỪNG SỪNG BÒ - 31 Trung I, 449

TIÊU KINH RỪNG SỪNG BÒ (Culagosingasuttam)

– Bài kinh số 31 – *Trung I*, 449

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Nadika, tại Ginja-kavasatha. Lúc bấy giờ Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Nandiya, Tôn giả Kimbila trú tại khu vườn trong rừng Gosinga có nhiều cây ta-la. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, sau khi tham thiền, đứng dậy đi đến khu vườn trong rừng Gosinga có nhiều cây ta-la. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba Thiện nam tử đang trú tại đây, rất ái luyện tự ngã. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ vườn nói chuyện với Thế Tôn như vậy liền nói với người giữ vườn:

– Nay người giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế

Tôn. Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng tôi đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya
Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến, chư Tôn giả hãy đến.
Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và
Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y
bát của Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một
người đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ
ngồi đã soạn sẵn, sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân.
Rồi các Tôn giả ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống
một bên. Và Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha
đang ngồi xuống một bên:

– Nay các Anuruddha, các Ông có được an lành
không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực
có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành; bạch
Thế Tôn, chúng con sống yên vui; bạch Thế Tôn,
chúng con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

– *Này các Anuruddha, các Ông có sống hòa
hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước
với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm*

không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Này các Anuruddha, như thế nào các Ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?

– Bạch Thế Tôn, ở đây, chúng con nghe như sau: *"Thật lợi ích thay cho ta, thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng phạm hạnh như vậy"*. Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy, chúng con nghĩ như sau: *"Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này"*. Bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên)... rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghĩ như sau:

"Thật lợi ích thay cho ta, thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng phạm hạnh như vậy". Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy, chúng con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này". Bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm. Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Lành thay, lành thay, này Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này các Anuruddha, như thế nào, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, *ai đi làng khát thực về trước, thì người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một*

bát để bỏ đồ dư. Ai đi làng khát thực về sau, thì người ấy, còn đồ ăn thừa nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng và người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghe nước uống, ghe nước rửa chân, hay ghe nước trong nhà cầu hết nước, trống không thì người ấy sẽ lo liệu (nước). Nếu ai làm không nổi với sức bàn tay của mình, thì người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu (nước)". Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy mà gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả đêm, chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, các Ông có chứng được pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, sao có thể không được. Ở đây, bạch Thế Tôn, **lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con ly dục, ly pháp bất thiện, chúng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh,**

có tâm có tứ. Như vậy, bạch Thế Tôn, đối với chúng con, là pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh; chúng con chứng được và sống thoải mái, an lạc, nhờ chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, bạch Thế Tôn, **lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con diệt tâm diệt tứ, chúng và trú Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng,

xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, **lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba**, Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, và sống thoải mái, an lạc.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, **lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù

thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái an lạc.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây **lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chương ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng**; chúng con nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chúng và trú Không vô biên xứ. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc... (như trên)... Ở đây, lâu cho đến khi chúng con muốn; chúng con vượt qua mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chúng và trú Thức vô biên xứ... (như trên)... Ở đây, lâu cho đến khi chúng con muốn; chúng con vượt qua mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chúng và trú Vô sở hữu xứ... (như trên)... Ở đây, lâu cho đến khi chúng con muốn; chúng con vượt qua

mọi Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ở đây, lâu cho đến khi chúng con muốn; chúng con vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chúng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi đã thấy nhờ trí tuệ, các lậu hoặc của chúng con được đoạn trừ. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp thượng nhân này, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc. Bạch Thế Tôn, chúng con không thấy một lạc trú nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự lạc trú này.

– Lành thay, lành thay, các Anuruddha! Đây các Anuruddha, **ngoài lạc trú này, không có một lạc trú nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn.**

Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila, khai thị, khích lệ làm cho hoan hỷ, làm cho phấn khởi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila, sau khi tiễn đưa Thế Tôn và đi trở về. Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila nói với Tôn giả Anuruddha:

– Chúng tôi không bao giờ nói với Tôn giả Anuruddha như sau: "Chúng tôi là người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này", và nhờ vậy, Tôn

giả Anuruddha, trước mặt Thế Tôn, đã nêu rõ (các quả chứng) cho đến sự đoạn trừ các lậu hoặc.

– Chư Tôn giả không nói với tôi như sau: "Chúng tôi là người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này", nhưng với tâm của tôi, tôi biết được tâm của các Tôn giả: "Chư Tôn này là Người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này". Và chư Thiên có nói với tôi về vấn đề này: "Chư Tôn này là Người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này". Chính nhờ phương tiện này, các câu mà Thế Tôn hỏi đã được trả lời.

Rồi Digha Parajana, một **Yakkha (Trường quỷ Dạ-xoa)** đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Digha Parajana bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật lợi ích thay cho dân chúng Vajji (Bạt kỳ)! Thật khéo lợi ích thay cho dân chúng Vajji! Vì Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở đây, và cả ba Thiện nam tử, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila cũng vậy.

Sau khi nghe tiếng của Yakkha Digha Parajana, các địa thần làm cho tiếng này được nghe: "*Chư Hiền giả, thật lợi ích thay cho dân chúng Vajji! thật khéo lợi ích cho dân chúng Vajji! Vì Thế Tôn, bậc A-la-*

hán, Chánh Đẳng Giác ở đây và cả ba Thiện nam tử này, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila cũng vậy". Sau khi nghe tiếng của các Địa thần, bốn Thiên vương... (như trên)... cõi trời Ba mươi ba... Dạ-ma thiên... Đâu-suất-đà thiên... Hóa lạc thiên... Tha hóa tự tại thiên... Phạm chúng thiên làm cho tiếng này được nghe: "Chư Hiền giả, thật lợi ích thay có dân chúng Vajji! Thật khéo lợi ích thay cho dân chúng Vajji! Vì Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở đây, và cả ba Thiện nam tử này, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya, và Tôn giả Kimbila". Như vậy, trong giờ phút này, trong sát-na này, các Tôn giả ấy được biết cho đến Phạm thiên.

– Sự việc là như vậy, này Digha, sự việc là như vậy, này Digha, này Digha, nếu gia đình nào, ba Thiện nam tử này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ đến ba Thiện nam tử này với tâm niệm hoan hỷ, thì gia đình ấy sẽ được an lạc, hạnh phúc lâu dài. Này Digha, **nếu bà con quyến thuộc** của gia đình mà ba Thiện nam tử này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ đến ba Thiện nam tử này với tâm niệm hoan hỷ, thì bà con quyến thuộc của gia đình mà ba Thiện nam tử này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ đến ba thiện nam tử này với tâm niệm hoan hỷ, thì bà con quyến thuộc của gia đình ấy sẽ được an lạc,

hạnh phúc lâu dài. Nay Digha, nếu làng nào... nếu xã
ấp nào... nếu thành phố nào... nếu quốc độ nào... nếu
tất cả Sát đế ly... nếu tất cả Bà-la-môn... nếu tất cả
Phệ xá (Vessa)... nếu tất cả Thủ đà (Sudda)... Nay
Digha, nếu thế giới với chư Thiên, với Ác ma, với
Phạm thiên, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư
Thiên và loài Người nhớ đến ba Tôn giả này với tâm
niệm hoan hỷ, thì thế giới ấy với chư Thiên, với Ác
ma, với Phạm thiên, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn,
chư Thiên và loài Người sẽ được an lạc, hạnh phúc
lâu dài. Nay Digha, hãy xem ba Thiệ nam tử này
sống như thế nào? - Vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì
an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời,
vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Dạ xoa Digha
Parajana hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

31 Rừng Núi - Tương I, 17

Rừng Núi – Tương I, 17

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Thường sống trong rừng núi,
Bậc Thánh sống Phạm hạnh,
Một ngày ăn một buổi,
Sao sắc họ thù diệu?*

(Thế Tôn):

*Không than việc đã qua,
Không mong việc sắp tới,
Sống ngay với hiện tại,
Do vậy, sắc thù diệu.*

*Do mong việc sắp tới,
Do than việc đã qua,
Nên kẻ ngu héo mòn,
Như lau xanh rồi cành.*